

Bản án số: 451/2025/DS-PT

Ngày: 29-9-2025

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Đặng Minh Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thúy Nguyên, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 295/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 8 năm 2025, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2025/DS-ST ngày 29/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Cà Mau) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 360/2025/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị N, sinh năm 1946 (chết ngày 10/02/2023);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn:

1. Bà Châu Thị L, sinh năm 1966 (vắng mặt);

2. Ông Châu Quốc T, sinh năm 1973; CCCD số 095073007345 cấp ngày 16/9/2021.

3. Ông Trần Thanh L1, sinh năm 1980; CC số 095080003798 cấp ngày 03/9/2024.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã V, tỉnh Cà Mau).

4. Bà Châu Thị Đ, sinh năm 1971 (vắng mặt); Địa chỉ cư trú: Khu V, khóm A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau (nay là xã N, tỉnh Cà Mau).

5. Bà Châu Ngọc C, sinh năm 1975 (vắng mặt); Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã V, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Châu Quốc T và ông Trần Thanh L1: Ông Vũ Văn H, sinh năm 1987 (có mặt); CCCD số 095087003272 cấp ngày 14/8/2021; Địa chỉ cư trú: Khóm A, phường B, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Châu Thanh M, sinh năm 1963; Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã V, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Duy K, sinh năm 1983; CC số 095083005893 cấp ngày 28/8/2024 (có mặt); Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã V, tỉnh Cà Mau; Nơi ở hiện nay: Số A đường P, khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau (văn bản ủy quyền ngày 25/9/2025).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- 1. Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1968 (vắng mặt);*
- 2. Chị Châu Thúy V, sinh năm 1998 (vắng mặt);*
- 3. Anh Châu Trọng N1, sinh năm 1992; CC số 095092000472 cấp ngày 9/7/2025 (có mặt);*
- 4. Chị Châu Kim N2, sinh năm 1997 (vắng mặt);*
- 5. Chị Châu Ngọc H1, sinh năm 1999 (vắng mặt);*
- 6. Bà Châu Thị L, sinh năm 1966 (vắng mặt);*
- 7. Ông Châu Quốc T, sinh năm 1973 (vắng mặt);*

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã V, tỉnh Cà Mau).

8. Bà Châu Thị Đ, sinh năm 1971 (vắng mặt); Địa chỉ cư trú: Khu V, khóm A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau (nay là xã N, tỉnh Cà Mau).

9. Bà Châu Ngọc C, sinh năm 1975 (vắng mặt); Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã V, tỉnh Cà Mau).

- Người kháng cáo: Ông Châu Quốc T và ông Trần Thanh L1 (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của các bên đương sự và kết quả xét xử sơ thẩm, vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Phan Thị N khởi kiện ông Châu Thanh M (con bà Phan Thị N) để đòi lại phần đất ngang 43 mét dài 18 mét, tọa lạc tại ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã V, tỉnh Cà Mau). Phần đất trên theo đo đạc thực tế có diện tích 1.006,9m² thuộc một phần trong diện tích đất 1.622m² được ghi nhận tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 555640 cấp ngày 27/6/2003 do ông Châu Thanh M đứng tên. Phần đất tranh chấp hiện đang do ông Trần Thanh L1 (là con bà Phan Thị N và sống cùng gia đình bà Phan Thị N) quản lý, sử dụng 422,1m², trên phần đất có 01 căn nhà cấp 4 cùng công trình, kiến trúc và cây trồng. Còn lại

diện tích 584,8m² do ông Châu Quốc T (*con bà Phan Thị N*) quản lý, sử dụng, trên phần đất có 01 căn nhà cấp 4 của ông Châu Quốc T, công trình, kiến trúc và cây trồng.

Ngày 10/02/2023 bà Phan Thị N chết, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phan Thị N là những người con của bà Phan Thị N, bao gồm ông Châu Thanh M; bà Châu Thị L; ông Châu Quốc T; ông Trần Thanh L1; bà Châu Thị Đ và bà Châu Ngọc C. Trong đó, ông Châu Thanh M là bị đơn, còn bà Châu Thị L; bà Châu Thị Đ và bà Châu Ngọc C không đồng ý kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Phan Thị N trong việc kiện đòi đất với ông Châu Thanh M và cũng không có yêu cầu trong vụ việc tranh chấp. Còn lại ông Châu Quốc T, ông Trần Thanh L1 đồng ý kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Phan Thị N và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N.

Theo bà Phan Thị N cho rằng, vợ chồng bà có tài sản chung là phần đất khoảng 19 công lớn (*chồng bà là ông Châu Văn C1*), năm 1968 chồng bà chết và sau đó bà đã phân chia đất cho các con. Phần đất còn lại bà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 565690 cấp ngày 02/7/1999, diện tích 16.282m². Năm 2003, bà có cho ông Châu Thanh M phần đất ngang 22 mét, dài 18 mét để cất nhà ở và giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Châu Thanh M để thực hiện thủ tục tách quyền sử dụng. Nhưng khi đăng ký tách quyền sử dụng đất thì ông Châu Thanh M tách toàn bộ diện tích 1.622m², bao gồm phần đất mà bà cùng con là ông Trần Thanh L1 cất nhà ở và phần đất bà cho ông Châu Quốc T. Nay bà yêu cầu ông Châu Thanh M trả lại phần đất ngang 43 mét dài 18 mét (theo đo đạc thực tế có diện tích 1.006,9m²) và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 555640 cấp ngày 27/6/2003 do ông Châu Thanh M đứng tên để bà cho lại đất cho ông Trần Thanh L1 và ông Châu Quốc T sử dụng đúng hiện trạng.

Bị đơn ông Châu Thanh M cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp là của ông nội ông (*là ông Châu Văn Y*) khai phá, cho lại cha ông là ông Châu Văn C1, khi cha ông chết thì mẹ ông (*là bà Phan Thị N*) quản lý đất và được Nhà nước công nhận, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 565690 diện tích là 16.282,0m². Sau đó, do chú của ông là ông Châu Văn P đòi lại quyền sử dụng đất nên mẹ của ông làm giấy trả đất cho ông đứng tên và ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 555640 cấp ngày 27/6/2003, diện tích 1.622m². Hiện trạng qua đo đạc thực tế thì ông đang sử dụng diện tích 398,9m², ông Trần Thanh L1 đang sử dụng diện tích 422,1m² và ông Châu Quốc T đang sử dụng diện tích 584,8m². Trước đây, ông có đồng ý giao trả diện tích đất theo yêu cầu của mẹ ông là bà Phan Thị N chiều ngang 43m, chiều dài 18m, tại thửa số 1046, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nhưng do ông Trần Thanh L1 đánh ông và hiện nay mẹ ông đã chết nên ông không đồng ý trả đất nữa.

Ông Châu Quốc T, ông Trần Thanh L1 kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phan Thị N và thống nhất ý kiến, yêu cầu của bà Phan Thị N, không có yêu cầu độc lập.

Bà Châu Thị L; bà Châu Thị Đ và bà Châu Ngọc C không đồng ý kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Phan Thị N trong việc kiện đòi đất với ông Châu Thanh M và cũng không có yêu cầu trong vụ việc tranh chấp.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2025/DS-ST ngày 29/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Cà Mau) đã quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N đòi ông Châu Thanh M trả lại diện tích 422,1m², thuộc một phần thửa số 221, tờ bản đồ số 8 và diện tích 584,8m², thuộc một phần thửa số 220, tờ bản đồ số 8 do ông Châu Thanh M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Ngày 12/6/2025, ông Châu Quốc T và ông Trần Thanh L1 (*là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn*) kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm hoặc sửa án sơ thẩm để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2025/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu (*nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Cà Mau*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của ông Châu Quốc T và ông Trần Thanh L1 thực hiện trong hạn luật định và trong phạm vi kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét về mặt tố tụng và quan hệ pháp luật cho thấy, bà Phan Thị N kiện ông Châu Thanh M để yêu cầu ông Châu Thanh M trả lại diện tích 422,1m², thuộc một phần thửa số 221 và diện tích 584,8m², thuộc một phần thửa số 220, tờ bản đồ số 8 và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Châu Thanh M đứng tên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật về “Tranh chấp quyền sử dụng đất” là đúng qui định.

[3] Xét về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự: Sau khi nguyên đơn là bà Phan Thị N chết, Tòa án cấp sơ thẩm xác định những người con của bà Phan Thị N tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng cho nguyên đơn là đúng qui định tại Điều 74 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, trong các người con của bà Phan Thị N có ông Châu Thanh M là bị đơn trong vụ án do bà Phan Thị N kiện đòi lại đất nên việc xác định ông Châu Thanh M tham gia tố tụng với tư cách vừa là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn

vừa là bị đơn là không phù hợp với qui định tại Điều 87 của Bộ luật Tố tụng dân sự vì quyền và lợi ích hợp pháp của ông Châu Thanh M bị đối lập nhau khi tham gia tố tụng với hai tư cách như án sơ thẩm đã xác định. Trong vụ án trên, xác định ông Châu Thanh M tham gia tố tụng với tư cách bị đơn là phù hợp. Tuy có sai sót trong việc xác định tư cách tham gia tố tụng nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của các đương sự nên không cần thiết phải hủy án sơ thẩm mà cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm chung.

[4] Xét về nguồn gốc đất, nội dung tranh chấp và nội dung kháng cáo cho thấy: Phần đất liên quan đến việc tranh chấp có diện tích 1.622m² được ghi nhận tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 555640 cấp ngày 27/6/2003 do ông Châu Thanh M đứng tên quyền sử dụng. Phần đất này theo đo đạc thực tế có tổng diện tích là 1.405,8m². Theo lời khai của tất cả các đương sự đều thống nhất xác định phần đất trên có nguồn gốc là của ông Châu Văn Y (*là cha chồng của bà Phan Thị N*) khai phá, cho lại vợ chồng bà Phan Thị N, ông Châu Văn C1. Năm 1968, ông Châu Văn C1 chết thì phần đất do bà Phan Thị N quản lý, sử dụng và phân chia cho các con, phần còn lại bà Phan Thị N được cấp quyền sử dụng đất với diện tích 16.282m² tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 565690 cấp ngày 02/7/1999.

Tại Đơn khởi kiện ngày 17/12/2021 và khởi kiện bổ sung ngày 04/01/2022; Biên bản ghi lời khai của bà Phan Thị N ngày 28/12/2021, ngày 31/3/2022 thì bà Phan Thị N đã xác định là phần đất trên bà có cho ông Châu Thanh M phần đất để ở ngang 22 mét, dài 18 mét và giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Châu Thanh M tách quyền sử dụng thì ông Châu Thanh M đăng ký và tách quyền sử dụng cho ông Châu Thanh M cả 02 phần đất còn lại mà bà Phan Thị N cùng với ông Trần Thanh L1, ông Châu Quốc T đang sử dụng cất nhà ở. Ông Châu Thanh M được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 555640 cấp ngày 27/6/2003 với diện tích 1.622m².

Tại thời điểm ông Châu Thanh M được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phần đất trên bà Phan Thị N cùng với con là ông Trần Thanh L1 quản lý, sử dụng phần đất diện tích 422,1m²; ông Châu Quốc T quản lý sử dụng 584,8m² và ông Châu Thanh M quản lý, sử dụng 398,9m². Tất cả đều sử dụng vào mục đích cất nhà ở. Theo bà Phan Thị N thì 03 phần đất trên đã được bà phân chia cho ông Trần Thanh L1, ông Châu Quốc T và ông Châu Thanh M.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 18/9/2024, ông Châu Thanh M cũng đã xác định vào năm 2003, bà Phan Thị N có tiếp tục chia cho ông phần đất 1.622m² và ông đã được cấp quyền sử dụng. Nhưng mẹ ông là bà Phan Thị N kiện đòi lại đất thì ông cũng đồng ý trả lại đất cho bà Phan Thị N3, chỉ yêu cầu giữ lại cho ông phần đất 300m² để ở, phần còn lại do ông Trần Thanh L1, ông Châu Quốc T sử dụng thì ông cũng đồng ý tách quyền sử dụng cho ông Trần Thanh L1 và ông Châu Quốc T. Nhưng do ông Trần Thanh L1 không đồng ý, đánh ông và do mẹ của ông là bà Phan Thị N đã chết nên ông không đồng ý trả lại đất. Còn tại các lời khai của bà Phan Thị N thì bà Phan Thị N cũng xác định trong 03 phần đất được bà phân chia cho ông Trần Thanh L1, ông Châu Quốc T và ông Châu Thanh M thì bà chỉ

kiện ông Châu Thanh M đề đòi ông Châu Thanh M trả lại 02 phần đất mà bà đã cho ông Trần Thanh L1 và ông Châu Quốc T để cho ông Trần Thanh L1 và ông Châu Quốc T sử dụng đúng hiện trạng.

Từ những diễn biến và các căn cứ trên đã chứng minh tại thời điểm bà Phan Thị N khởi kiện ông Châu Thanh M để đòi lại đất thì phần đất mà bà Phan Thị N kiện không do ông Châu Thanh M quản lý, sử dụng mà do bà Phan Thị N, ông Trần Thanh L1, ông Châu Quốc T cùng quản lý, sử dụng đất. Giữa bà Phan Thị N với ông Trần Thanh L1, ông Châu Quốc T hoàn toàn không có ý kiến tranh chấp và bà Phan Thị N cũng xác định kiện đòi lại đất để cho ông Trần Thanh L1, ông Châu Quốc T sử dụng đúng hiện trạng nên xem như phần đất bà Phan Thị N kiện đòi đang do bà Phan Thị N quản lý chứ không do ông Châu Thanh M (bị đơn) quản lý. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định bà Phan Thị N là người đang giữ đất nên việc kiện ông Châu Thanh M (*là người không giữ đất*) để đòi ông Châu Thanh M trả lại đất là không phù hợp nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N là phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đến yêu cầu của bà Phan Thị N về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Châu Thanh M là không vi phạm về thẩm quyền xét xử và cũng không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Tại thời điểm mà bà Phan Thị N khởi kiện, phần đất đang do bà Phan Thị N quản lý nếu bà Phan Thị N yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì yêu cầu đó được điều chỉnh bởi pháp luật tố tụng hành chính chứ không được điều chỉnh bằng pháp luật về tố tụng dân sự.

Đối với bà Châu Thị L; bà Châu Thị Đ và bà Châu Ngọc C không đồng ý kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Phan Thị N và cũng không có ý kiến tranh chấp. Còn đối với ông Châu Quốc T, ông Trần Thanh L1 kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phan Thị N trong việc kiện đòi lại đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Châu Thanh M chứ ông Châu Quốc T, ông Trần Thanh L1 cũng không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Phần đất tranh chấp theo yêu cầu kiện đòi của bà Phan Thị N là 1.006,9 m² thì hiện nay ông Trần Thanh L1 đang quản lý, sử dụng 422,1m², tại thửa đất số 2 và ông Châu Quốc T đang quản lý, sử dụng 584,8m², tại thửa đất số 3 (*của bản trích đo hiện trạng*). Cả hai phần đất này ông Châu Quốc T, ông Trần Thanh L1 và bà Phan Thị N đều xác định là được bà Phan Thị N cho ông Trần Thanh L1 và ông Châu Quốc T sử dụng từ năm 1991 và 1998, cả hai phần diện tích đất trên nằm trong tổng diện tích cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Châu Thanh M. Hiện tại, ông Trần Thanh L1, ông Châu Quốc T, ông Châu Thanh M kể cả bà Châu Thị L; bà Châu Thị Đ và bà Châu Ngọc C đều không có yêu cầu độc lập, không có ý kiến tranh chấp về thừa kế tài sản hay tranh chấp về việc tặng cho quyền sử dụng đất. Nếu ông Châu Thanh M có yêu cầu đòi lại đất; ông Trần Thanh L1, ông Châu Quốc T có yêu cầu về việc công nhận quyền sử dụng đất tặng cho kể cả các đồng thừa kế về tài sản của bà Phan Thị N có yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất mà các đương sự không thỏa thuận được với nhau, có tranh chấp với nhau thì được quyền khởi kiện bằng vụ án khác và khi giải quyết vụ việc tranh chấp đó sẽ xem xét đến việc hủy hay không hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 555640 ngày 27/6/2003 cấp cho Châu Thanh M.

[5] Từ những cơ sở trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Châu Quốc T và ông Trần Thanh L1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2025/DS-ST ngày 29/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu (*nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Cà Mau*).

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp, nên chấp nhận.

[7] Ông Châu Quốc T và ông Trần Thanh L1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Trần Thanh L1 và ông Châu Quốc T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2025/DS-ST ngày 29/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu (*nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Cà Mau*).

2. Căn cứ vào Điều 26, 147, 148, 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 236 của Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N (*do ông Trần Thanh L1, ông Châu Quốc T và bà Châu Thị L, bà Châu Thị Đ, bà Châu Ngọc C kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng*) về việc đòi ông Châu Thanh M trả lại diện tích đất 422,1m² (tại thửa đất số 2) và diện tích đất 584,8m² (tại thửa đất số 3) của Bản trích đo hiện trạng lập ngày 05/01/2024 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh B (*nay là tỉnh Cà Mau; Kèm theo bản trích đo hiện trạng*).

- Nguyên đơn tự chịu toàn bộ chi phí tố tụng và đã được bà Phan Thị N nộp thanh toán xong.

- Án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí do bà Phan Thị N đã dự nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0002854 ngày 04/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình (*nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 7 – Cà Mau*).

- Án phí dân sự phúc thẩm, ông Trần Thanh L1 và ông Châu Quốc T mỗi người phải chịu 300.000 đồng, được đối trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do ông Trần Thanh L1 dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0006180 ngày 13/6/2025 và ông Châu Quốc T dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0006181 ngày 13/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Bình (*nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 – Cà Mau*). Ông Trần Thanh L1, ông Châu Quốc T đã nộp xong tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 7 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Phương